

Bản án số: 18/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 21/4/2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Linh
- Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị D, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Đình B, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Tổng Thị D trình bày: Chị và anh Đỗ Đình B tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C) ngày 01/4/2004. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo

phong tục địa phương và anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư T, phường C, thành phố C. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chịu khó làm việc, không tu chí làm kinh tế dẫn đến nợ nần nhiều người. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không những không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên chị và con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở khu dân cư N, phường C sinh sống. Sau đó, anh B không tìm gặp chị, cũng không quan tâm, hỗ trợ chị nuôi dưỡng con. Từ đó đến nay, chị và anh B sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giả quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Đỗ Đình H, sinh ngày 8/02/2005. Hiện nay cháu H đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh B. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Đỗ Đình B. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

- Ông Đỗ Đình H là bố đẻ của anh B và ông Tống Văn T là bố đẻ của chị D đều đề nghị tòa án giải quyết cho anh B và chị D ly hôn vì anh chị có mâu thuẫn từ lâu, xuất phát từ việc anh B không chịu khó làm kinh tế, dẫn đến nợ nần. Chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2006. Hiện anh B đi làm kinh tế ở xa, không có mặt ở nhà.

- Trưởng khu dân cư N và khu dân cư T, phường C đều xác định không nắm được nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của anh B và chị D nhưng từ năm 2006, chị D đã cùng con sinh sống tại nhà bố, mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

- Tại Công văn số 6976/QLXNC-P5 ngày 30/3/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo dữ liệu của Cục quản lý nhập cảnh quản lý: không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Đỗ Đình B, CMND số 030161002830.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc

giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh B.

- Về con chung: con chung là Đỗ Đình H, sinh ngày 08/02/2005 đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Tổng Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Đình B có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Dung đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh B đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Tổng Thị D và anh Đỗ Đình B kết hôn ngày 01/4/2004 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2006, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh B không tu chí, chịu khó làm kinh tế dẫn đến nợ nần. Chị D đã khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Từ năm 2006, chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh B. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Đình H, sinh ngày 08/02/2005. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Tống Thị D;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tống Thị D được ly hôn anh Đỗ Đình B.

2. Về con chung: Chị D và anh B có 01 con chung là Đỗ Đình H, sinh ngày 08/02/2005. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Tống Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003674 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị D đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C, TP C (số 28/2004);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà